

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày 22-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Kim Luyến.

Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 573/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 954/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 413/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trịnh Hoàng V**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số H KDC I, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số B đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số H KDC I, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20-5-2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn – ông **Trịnh Hoàng V** trình bày:

Vào ngày 19-9-2020, qua mối quan hệ quen biết nên ông có cho ông Nguyễn Văn D vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Cùng ngày, vợ ông là bà Trần Thị Ngọc T đã chuyển khoản cho ông Danh số tiền nêu trên và ông D có làm biên nhận tiền cho ông để bảo đảm. Ông D hẹn 06 tháng sẽ hoàn trả nợ gốc và thanh toán lãi mỗi tháng. Sau thời hạn 06 tháng ông D xin gia hạn thêm cho đến ngày 01-9-2021 sẽ trả lại tiền gốc. Tuy nhiên, qua thời gian thỏa thuận mà ông D không trả nợ gốc và cũng không trả lãi, chỉ trả được cho ông 20.000.000 đồng tiền gốc, còn lại số nợ gốc 180.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông D phải có trách nhiệm trả lại 180.000.000 đồng tiền gốc cho ông.

** Tại bản tự khai ngày 14-11-2024 và trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Ngọc T trình bày:*

Vào ngày 19-9-2020, bà có chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của ông Nguyễn Văn Danh S 7207205027134 mở tại ngân hàng A, bà thực hiện chuyển đùm cho ông Trịnh Hoàng V (là chồng của bà) để cho ông D vay nên giao quyền cho ông V có trách nhiệm đòi nợ với ông D, bà không có yêu cầu trong vụ kiện. Do bà có công việc nên xin vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa,

* Nguyên đơn – ông Trịnh Hoàng V có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* Bị đơn – ông Nguyễn Văn D vắng mặt không lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Ngọc T có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Nguyên đơn ông Trịnh Hoàng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông V, ông D, bà T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 20-5-2024, thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn mượn tiền, do phía bị đơn không trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mượn, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận N nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] Căn cứ vào Biên nhận vay tiền ngày 19-9-2020 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền. Theo Biên nhận vay tiền ngày 19-9-2020 thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thanh toán lãi mỗi tháng và thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc 180 ngày kể từ ngày mượn. Do bị đơn chỉ trả được 20.000.000 đồng tiền gốc rồi ngưng nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền gốc đã mượn còn nợ lại là 180.000.000 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Xét thấy, Biên nhận vay tiền ngày 19-9-2020 thể hiện nội dung bị đơn có mượn tiền của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng thông qua giao dịch chuyển khoản từ tài khoản của bà Trần Thị Ngọc T (vợ của nguyên đơn) qua tài khoản của bị đơn, phù hợp với sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng từ ngày 18-9-2020 đến ngày 20-9-2020 do nguyên đơn cung cấp.

Xét nội dung biên nhận có thể hiện thời hạn vay tiền và lãi suất vay nên hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện: “ *1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”, đã đến thời hạn thanh toán theo hợp đồng vay tiền nhưng bị đơn không trả nợ, do đó việc nguyên đơn cung cấp được chứng cứ bản gốc Biên nhận vay tiền ngày 19-9-2020 có chữ viết, chữ ký của bị đơn, đây là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền còn nợ 180.000.000 đồng.

[3.2] Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Mặc dù trong biên nhận vay tiền có thỏa thuận về lãi suất vay nhưng do nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lãi suất.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 180.000.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Hoàng V đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D.

Buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Hoàng V số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng (Một trăm tám chục triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

- Nguyên đơn ông Trịnh Hoàng V được nhận lại 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001712 ngày 05-8-2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phượng